

Số: 235/QĐ-CĐYD

Phú Thọ, ngày 01 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh trúng tuyển
trình độ Cao đẳng hệ liên thông chính quy năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ

Căn cứ Quyết định số 5616/QĐ - BGDĐT ngày 27/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Dược Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ - LĐTBXH ngày 23/05/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB & XH về việc đổi tên Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ thành Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT - BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 490/QĐ - CĐD ngày 23/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT- BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp ;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ – CĐYD ngày 06/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ – CĐYD ngày 09/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 819/QĐ – CĐYD ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ số 63/2022/GCNDKHHĐ - TCGDNN ngày 17/8/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ vào kết quả xét bảng điểm của thí sinh;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh họp xét phương án điểm trúng tuyển ngày 01/4/2023;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực HĐQTS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 38 thí sinh trúng tuyển ngành Điều dưỡng, 55 thí sinh trúng tuyển ngành Hộ sinh trình độ Cao đẳng hệ liên thông chính quy năm 2023:

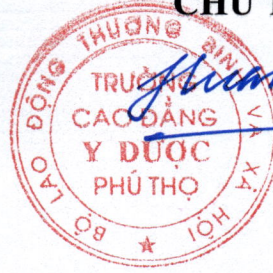
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký, Trưởng phòng Đào tạo & CTHSSV, Phòng Tài chính, Phòng Tổng hợp và những thí sinh có tên ghi trong Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (Để thi hành);
- Lưu TH, ĐT&CTHSSV.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
TS.DS. Hoàng Đức Luận

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ LIÊN THÔNG NĂM 2023
(Đối tượng Tuyển sinh: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp Điều dưỡng) - Hình thức tuyển: Xét bằng điểm Trung cấp

STT	HỌ VÀ ĐỆM	TÊN	GT	NGÀY SINH	HỌ KHẨU	NGÀNH HỌC	TRƯỜNG CẤP 3 LỚP 12	KV	ĐIỂM M KV	ĐT	ĐIỂM M U T	Điểm Môn 1		TB C M1	Điểm Môn 2		TB C M2	Điểm M3		TB C M3	Điểm TB	ĐUT	ĐXT	K Q
												Đ DC B1	Đ DC S2		CS SK NB 1	CS SK NB 2		CS SK NB NK	CS SK NB N					
1	Phạm Thị	An	nữ	22/02/1989	Việt Trì - Phú Thọ	Điều dưỡng	THPT BC Việt Trì - Phú Thọ	2	0,25					8,5			6,5			6,5	21,5	0,25	21,8	TT
2	Nguyễn Thị	Án	nữ	12/02/1992	Lục Yên - Yên Bái	Điều dưỡng	THPT Lục Yên - Yên Bái	1	0,75			6,0	5,5	5,8	6,0	6,5	6,3	6,1		6,1	18,2	0,75	19,0	TT
3	Hoàng Thị	Chường	nữ	15/10/1984	TP Lào Cai - Lào Cai	Điều dưỡng	TTGDTX Số 1 Lào Cai - Lào Cai	1	0,75			4,5		4,5			5,5			6,0	16,0	0,75	16,8	TT
4	Phạm Thị Hương	Giang	nữ	12/01/1981	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Hàm Yên - Tuyên Quang	1	0,75			7,1		7,1	6,7		6,7	6,7		6,7	20,5	0,75	21,3	TT
5	Đỗ Đức	Hải	nữ	20/01/1989	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT ATK Tân Trào - Tuyên Quang	1	0,75			6,7		6,7			5,0			6,2	17,9	0,75	18,7	TT
6	Vàng Thị	Hoa	nữ	05/07/1978	Mường Nhé - Điện Biên	Điều dưỡng	THPT Dân tộc nội trú - Lai Châu	1	0,75			5,5	5,7	5,6	6,4	6,3	6,4	5,0	7,3	6,2	18,2	0,75	19,0	TT
7	Lò Thanh	Hóa	nữ	26/12/1992	Phù Yên, Sơn La.	Điều dưỡng	THPT Gia Phù - Sơn La	1	0,75			7,3	7,6	7,5			7,8			7,5	22,8	0,75	23,6	TT
8	Đỗ Thị	Hòa	nữ	15/04/1981	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75			5,2		5,2			6,0			6,2	17,4	0,75	18,2	TT
9	Đào Thị	Hợp	nữ	10/01/1979	TP Lào Cai - Lào Cai	Điều dưỡng	Bổ túc văn hóa Yên Bình - Yên Bái	1	0,75			5,2	5,0	5,1	5,9		5,9	6,4		6,4	17,4	0,75	18,2	TT
10	Hà Huy	Hùng	nữ	27/11/1989	Đoan Hùng - Phú Thọ	Điều dưỡng	THPT BC Đoan Hùng - Phú Thọ	1	0,75			7,0		7,0			6,2			5,8	19,0	0,75	19,8	TT
11	Trần Việt	Hùng	nữ	01/11/1983	Ba Vì - Hà Nội	Điều dưỡng	THPT Quảng Oai - Hà Nội	2	0,25			6,3		6,3	5,7		5,7	6,2		6,2	18,2	0,25	18,5	TT
12	Lương Thị	Hường	nữ	05/12/1987	Na Hàng - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hàng - Tuyên Quang	1	0,75			7,5		7,5			7,1			6,0	20,6	0,75	21,4	TT
13	Nguyễn Thị	Lanh	nữ	14/01/1972	Bắc Yên - Sơn La	Điều dưỡng	TTGDTX Bắc Yên - Sơn La	1	0,75			6,4		6,4			6,2			6,0	18,6	0,75	19,4	TT
14	Lê Thị	Loan	nữ	25/3/1982	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Yên Sơn - Tuyên Quang	1	0,75			6,1	7,0	6,6			5,6			5,9	18,1	0,75	18,9	TT
15	Đào Thị	Lụa	nữ	10/10/1983	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75			6,5	6,3	6,4	5,7	6,5	6,1	5,5	7,0	6,3	18,8	0,75	19,6	TT
16	Trần Thị	Luân	nữ	09/07/1987	Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	THPT Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	2NT	0,50			7,0		7,0			7,7			7,6	22,3	0,50	22,8	TT

17	Phan Thị	Lý	nữ	20/12/1986	Tam Nông - Phú Thọ	Điều dưỡng	THPT BC Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	2NT	0,50					6,6		6,6		6,0			7,3	19,9	0,50	20,4	TT	
18	Ma Thị	Mừng	nữ	12/09/1980	Lâm Bình - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Nội trú Tuyên Quang	1	0,75					5,1	5,7	5,4		6,0	5,5	5,6	5,6	17,0	0,75	17,8	TT	
19	Nguyễn Thị	Năm	nữ	30/06/1983	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75					5,9	6,4	6,2	7,5	7,5	8,4		8,4	22,1	0,75	22,9	TT	
20	Nguyễn Thị	Ngát	nữ	15/08/1992	Gia Bình - Bắc Ninh	Điều dưỡng	THPT Thuận Thành 2 - Bắc Ninh	2NT	0,50					5,6	5,8	5,7		6,2			6,2	18,1	0,50	18,6	TT	
21	Nguyễn Thị	Nguyệt	nữ	26/11/1991	Quế Võ - Bắc Ninh	Điều dưỡng	THPT Thiên Đức - Bắc Ninh	2NT	0,50					6,5	6,3	6,4		6,0			6,2	18,6	0,50	19,1	TT	
22	Nông Thị Hồng	Nhung	nữ	11/05/1986	Na Hang - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75					5,4		5,4		5,4			5,4	16,2	0,75	17,0	TT	
23	Phùng Thị	Phái	nữ	12/10/1985	Na Hang - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75					5,7		5,7	5,3	5,3	6,3		6,3	17,3	0,75	18,1	TT	
24	Nguyễn Thị	Tám	nữ	15/08/1982	Na Hang - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75					7,5		7,5		6,2			6,1	19,8	0,75	20,6	TT	
25	Tráng Thị	Tĩnh	nữ	10/12/1986	TP Lào Cai - Lào Cai	Điều dưỡng	TTGDTX Số 1 Lào Cai - Lào Cai	1	0,75					6,5		6,5	6,4	6,4	5,5		5,5	18,4	0,75	19,2	TT	
26	Nguyễn Văn	Tuyên	nữ	02/08/1983	Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Đầm Hồng - Tuyên Quang	1	0,75					5,6		5,6		6,2			5,8	17,6	0,75	18,4	TT	
27	Đình Thị	Thơm	nữ	27/5/1984	Bắc Yên, Sơn La	Điều dưỡng	THPT Gia Phù - Sơn La	1	0,75					5,5		5,5		5,4			5,7	16,6	0,75	17,4	TT	
28	Ma Văn	Thuộc	nữ	13/12/1986	Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Đầm Hồng - Tuyên Quang	1	0,75					6,7		6,7		5,9			6,4	19,0	0,75	19,8	TT	
29	Châu Thị Thu	Thủy	nữ	05/08/1986	Na Hang - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75					6,7		6,7		5,9			6,6	19,2	0,75	20,0	TT	
30	Dương Thị	Thủy	nữ	05/05/1989	Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	THPT Nguyễn Thái Học - Vĩnh Phúc	2	0,25					6,5		6,5		7,1			6,8	20,4	0,25	20,7	TT	
31	Nguyễn Thị	Thủy	nữ	24/08/1986	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Sơn Nam - Tuyên Quang	1	0,75					6,9		6,9	7,4	7,4	5,5		5,5	19,8	0,75	20,6	TT	
32	Nguyễn Văn	Ứng	nữ	04/07/1988	Lâm Bình - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75					6,8		6,8		5,1			6,9	18,8	0,75	19,6	TT	
33	Nguyễn Thị	Yến	nữ	14/02/1987	Sông Lô - Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	THPT Sáng Sơn - Vĩnh Phúc	2NT	0,50					7,1		7,1	6,2	6,2	6,5		6,5	19,8	0,50	20,3	TT	
34	Hà Thị	Hiên	nữ	23/02/1987	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75							7,5		5,5			5,8	18,8	0,75	19,6	TT	
35	Âu Thị	Hoa	nữ	18/12/1990	Sơn Dương - Tuyên Quang	Điều dưỡng	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75							7,5		6,1			5,1	18,7	0,75	19,5	TT	
36	Lê Thị Hồng	Tâm	nữ	22/12/1987	Việt Trì - Phú Thọ	Điều dưỡng	THPT BC Công nghiệp - Việt Trì	2	0,25							6,0		6,9			5,5	18,4	0,25	18,7	TT	
37	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	nữ	14/12/1984	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	THPT Phúc Yên - Vĩnh Phúc	2	0,25					6,8	7,6	7,2	8,6	7,9	8,3	8,8	9,0	8,9	24,4	0,25	24,7	TT

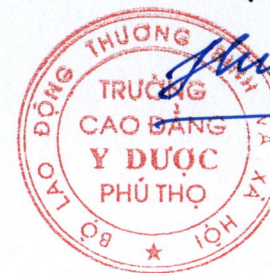
38	Hoàng Thị Ngọc	Yên	nữ	12/9/1986	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	THPT Xuân Hòa - Vĩnh Phúc	2	0,25					6,8		7,4		7,5	21,7	0,25	22,0	TT
----	----------------	-----	----	-----------	----------------------	------------	---------------------------	---	------	--	--	--	--	-----	--	-----	--	-----	------	------	------	----

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Mai Hương

Phú Thọ, ngày 01 tháng 4 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



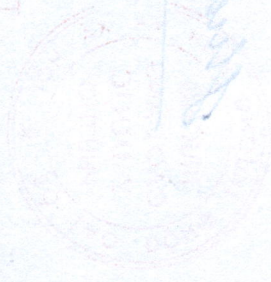
HIỆU TRƯỞNG
TS.DS. Hoàng Đức Luận

NHÀ XẤU H

P. 10

Handwritten signature

CHƯƠNG TRÌNH
KINH SỬN QUỐC. 2027



Handwritten notes or signatures at the bottom right.

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH HỘ SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ LIÊN THÔNG NĂM 2023

(Đối tượng Tuyển sinh: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp Hộ sinh) - Hình thức tuyển: Xét bằng điểm Trung cấp

ST T	HỌ VÀ ĐỆM TÊN	GT	NGÀY SINH	HỘ KHẨU	NGÀNH H HỌC	TRƯỜNG CẤP 3 LỚP 12	KV	ĐIỂM KV	ĐT	ĐIỂM M UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm TBC	ĐUT	ĐXT	KQ
1	Nguyễn Thị Bạch	nữ	03/10/1979	Na Hang - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Yên Hòa - Tuyên Quang	1	0,75			6,3	5,4	7,7	19,4	0,75	20,2	TT
2	Lý Thị Diễm	nữ	01/05/1980	Yên Sơn - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Vân Xuân - Tuyên Quang	1	0,75			6,4	5,7	5,0	17,1	0,75	17,9	TT
3	Lê Thị Du	nữ	03/11/1983	Yên Sơn - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Vân Xuân - Tuyên Quang	1	0,75			7,4	7,3	8,3	23,0	0,75	23,8	TT
4	Vũ Thùy Dương	nữ	19/08/1978	Bảo Yên - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Bán công số 1 Yên Bái	1	0,75			8,0	7,1	7,8	22,9	0,75	23,7	TT
5	Trần Thị Đào	nữ	19/12/1985	Lý Nhân - Hà Nam	Hộ sinh	THPT Nam Lý - Hà Nam	2NT	0,50			7,3	7,7	8,0	23,0	0,50	23,5	TT
6	Trần Thị Thu Giang	nữ	18/02/1978	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75			6,9	6,0	6,0	18,9	0,75	19,7	TT
7	Chu Thị Thu Hà	nữ	05/12/1985	Ba Vì - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Ba Vì - Hà Nội	1	0,75			6,8	8,0	7,7	22,5	0,75	23,3	TT
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	nữ	08/10/1986	Sơn Dương - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Kim Xuyên 1 - Tuyên Quang	1	0,75			7,7	5,4	6,0	19,1	0,75	19,9	TT
9	Đoàn Thị Hải	nữ	28/9/1986	Văn Giang - Hưng Yên	Hộ sinh	THPT Tây Thụy Anh - Thái Bình	2NT	0,50			7,5	8,3	7,9	23,7	0,50	24,2	TT
10	Vũ Thị Mỹ Hạnh	nữ	10/02/1979	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Trục Hưng - Nam Định	2NT	0,50			5,5	5,9	4,0	15,4	0,50	15,9	TT
11	Nguyễn Thúy Hào	nữ	01/04/1973	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Văn Chấn - Yên Bái	1	0,75			6,5	6,3	5,5	18,3	0,75	19,1	TT
12	Vũ Thị Thu Hằng	nữ	21/05/1980	Xín Mần - Hà Giang	Hộ sinh	THPT Việt Vinh - Hà Giang	1	0,75			6,4	6,7	6,0	19,1	0,75	19,9	TT
13	Nguyễn Thị Kim Hoa	nữ	07/04/1975	Ba Vì - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Ngô Quyền - Hà Nội	2	0,25			7,6	9,5	8,2	25,3	0,25	25,6	TT
14	Hoàng Thị Hòa	nữ	18/10/1984	Lâm Bình - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Hà Lang - Tuyên Quang	1	0,75			5,7	5,4	6,8	17,9	0,75	18,7	TT
15	Nguyễn Thị Hòa	nữ	05/10/1978	Na Hang - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Na Hang - Tuyên Quang	1	0,75			7,0	7,9	8,1	23,0	0,75	23,8	TT
16	Đặng Thị Kim Hòa	nữ	02/4/1981	Sơn Dương - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Sơn Dương - Tuyên Quang	1	0,75			6,0	6,0	7,5	19,5	0,75	20,3	TT
17	Nguyễn Thị Bích Hồng	nữ	24/04/1983	Sơn Dương - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Tân Trào - Tuyên Quang	1	0,75			6,9	6,5	6,2	19,6	0,75	20,4	TT

18.	Ma Thị	Huế	nữ	20/01/1979	Chiêm Hóa - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Minh Quang- Tuyên Quang	1	0,75			7,3	6,7	7,6	21,6	0,75	22,4	TT
19	Nguyễn Thị	Huế	nữ	17/04/1984	Ba Vì - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Ba Vì - Hà Nội	1	0,75			5,3	7,5	5,8	18,6	0,75	19,4	TT
20	Hoàng Thị	Huyện	nữ	19/9/1979	Na Hang - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Yên Hòa - Tuyên Quang	1	0,75			6,6	7,0	6,9	20,5	0,75	21,3	TT
21	Vũ Thị Thu	Huyện	nữ	17/12/1982	Vân Hồ - Sơn La	Hộ sinh	THPT Mộc Ly - Sơn La	1	0,75			6,1	6,6	7,1	19,8	0,75	20,6	TT
22	Lương Thị Thu	Huyện	nữ	14/11/1983	Sơn Dương - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Sơn Dương - Tuyên Quang	1	0,75			6,9	7,1	7,4	21,4	0,75	22,2	TT
23	Lê Thị Thanh	Hương	nữ	26/05/1985	Bảo Yên - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Tháng 10 - Tuyên Quang	1	0,75			5,2	6,3	5,0	16,5	0,75	17,3	TT
24	Mai Thị	Hương	nữ	25/01/1979	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	TTGDTX Số 1 - Lào Cai	1	0,75			5,9	6,4	6,0	18,3	0,75	19,1	TT
25	Ngô Thu	Hương	nữ	27/04/1996	Đống Đa - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Trần Nhân Tông - Hà Nội	3	-			5,0	8,1	6,8	19,9	0,00	19,9	TT
26	Hoàng Thị Kim	Kiên	nữ	15/07/1989	Bảo Yên - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Số 3 - Bảo Yên - Lào Cai	1	0,75			6,3	5,0	6,0	17,3	0,75	18,1	TT
27	Hà Thị	Lan	nữ	09/3/1987	TP Tuyên Quang - TQ	Hộ sinh	THPT Chiêm Hóa - Tuyên Quang	1	0,75			6,1	5,2	5,3	16,6	0,75	17,4	TT
28	Phạm Thị	Liên	nữ	13/07/1971	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	TTKTTH- HN- DN Lào Cai	1	0,75			5,0	6,0	7,0	18,0	0,75	18,8	TT
29	Trần Thị Hải	Lý	nữ	04/11/1983	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Lương Thế Vinh - Nam Định	2NT	0,50			8,9	8,6	7,7	25,2	0,50	25,7	TT
30	Ma Thị	Miền	nữ	04/01/1987	Lâm Bình - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Chiêm Hóa - Tuyên Quang	1	0,75			6,0	6,1	7,6	19,7	0,75	20,5	TT
31	Quan Thị	Miền	nữ	25/10/1981	Na Hang - Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Thượng Lâm - Tuyên Quang	1	0,75			7,1	6,9	7,9	21,9	0,75	22,7	TT
32	Nguyễn Thị Thu	Nga	nữ	21/07/1993	Phúc Thọ - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Ngọc Tảo - Hà Nội	2	0,25			6,5	7,8	7,2	21,5	0,25	21,8	TT
33	Nguyễn Thị Hằng	Nga	nữ	13/10/1970	TP Lào Cai- Lào Cai	Hộ sinh	THPT Hoàng Liên Sơn - Yên Bái	1	0,75			7,4	8,5	8,5	24,4	0,75	25,2	TT
34	Hoàng Thị	Nhật	nữ	25/12/1984	Bát Xát - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Bát Xát - Lào Cai	1	0,75			6,2	7,2	6,7	20,1	0,75	20,9	TT
35	Lương Thị	Nhiên	nữ	20/03/1993	Mộc Châu - Sơn La	Hộ sinh	THPT Mộc Hạ - Sơn La	1	0,75			7,3	6,3	8,7	22,3	0,75	23,1	TT
36	Phạm Thị Hồng	Nhiều	nữ	13/02/1979	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT VHVL Than Uyên - Lai Châu	1	0,75			5,0	5,4	6,1	16,5	0,75	17,3	TT
37	Nguyễn Kiều	Oanh	nữ	04/12/1984	Bảo Thắng - Lào Cai	Hộ sinh	TTGDTX Lào Cai	1	0,75			5,8	5,5	5,5	16,8	0,75	17,6	TT
38	Nguyễn Thị Thanh	Phương	nữ	19/8/1970	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT TP Lào Cai- Lào Cai	1	0,75			5,0	7,0	5,0	17,0	0,75	17,8	TT
39	Nguyễn Thị Thu	Phương	nữ	23/07/1976	Xín Mần - Hà Giang	Hộ sinh	THPT Lý Nhân - Hà Nam	2NT	0,50			5,0	5,3	6,7	17,0	0,50	17,5	TT

40	Lương Thị	Phượng	nữ	21/05/1982	Bảo Yên - Lào Cai	Hộ sinh	GDTX Bảo Yên - Lào Cai	1	0,75			5,1	5,2	6,7	17,0	0,75	17,8	TT
41	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	nữ	10/02/1979	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Văn Yên - Yên Bái	1	0,75			7,5	6,7	5,5	19,7	0,75	20,5	TT
42	Hoàng Thị	Sim	nữ	17/6/1989	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Số 3 - Bảo Yên - Lào Cai	1	0,75			5,8	5,9	5,8	17,5	0,75	18,3	TT
43	Hoàng Thị	Tôm	nữ	08/07/1972	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Hoàng Liên Sơn - Yên Bái	1	0,75			5,3	7,0	5,0	17,3	0,75	18,1	TT
44	Đình Việt	Thanh	nữ	06/12/1972	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Hoàng Liên Sơn - Lào Cai	1	0,75			6,5	7,0	5,0	18,5	0,75	19,3	TT
45	Sầm Thị Phương	Thảo	nữ	15/12/1977	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Hòa An - Cao Bằng	1	0,75			5,0	5,0	5,2	15,2	0,75	16,0	TT
46	Lê Phương	Thảo	nữ	27/08/1980	TP Tuyên Quang- Tuyên Quang	Hộ sinh	Cấp 2-3 Văn Xuân - Tuyên Quang	1	0,75			6,2	6,7	6,3	19,2	0,75	20,0	TT
47	Hoàng Thị	Thiệt	nữ	14/8/1984	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Hộ sinh	Trung học Y tế Lào Cai	1	0,75			6,1	6,1	6,3	18,5	0,75	19,3	TT
48	Trần Thị Kim	Thu	nữ	24/11/1981	TP Lào Cai - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Thị xã Lào Cai- Lào Cai	1	0,75			8,0	8,7	8,7	25,4	0,75	26,2	TT
49	Chu Thị	Thùy	nữ	03/03/1989	Na Rì - Bắc Cạn	Hộ sinh	THPT Na Rì - Bắc Cạn	1	0,75			8,8	7,0	9,5	25,3	0,75	26,1	TT
50	Trần Thị Thanh	Thùy	nữ	12/10/1983	Sơn Dương - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Kim Xuyên - Tuyên Quang	1	0,75			6,9	6,9	7,4	21,2	0,75	22,0	TT
51	Lương Thị Minh	Thúy	nữ	01/02/1973	Bắc Yên - Sơn La	Hộ sinh	TTGDTX Bắc Yên - Sơn La	1	0,75			7,8	7,0	7,6	22,4	0,75	23,2	TT
52	Ma Thị	Thuyền	nữ	21/09/1983	Lâm Bình - Tuyên Quang	Hộ sinh	THPT Minh Quang - Tuyên Quang	1	0,75			5,5	6,8	6,3	18,6	0,75	19,4	TT
53	Nguyễn Thị	Vân	nữ	13/12/1971	Bảo Thắng - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Hoàng Liên Sơn - Lào Cai	1	0,75			7,0	7,0	6,0	20,0	0,75	20,8	TT
54	Hoàng Thị	Vườn	nữ	19/9/1994	Bảo Yên - Lào Cai	Hộ sinh	THPT Số 3 - Bảo Yên - Lào Cai	1	0,75			5,2	5,7	6,5	17,4	0,75	18,2	TT
55	Đặng Thị	Xinh	nữ	22/09/1961	Đông Đa - Hà Nội	Hộ sinh	THPT Nguyễn Huệ - Hà Nội	3	-			7,0	7,0	7,0	21,0	0,00	21,0	TT

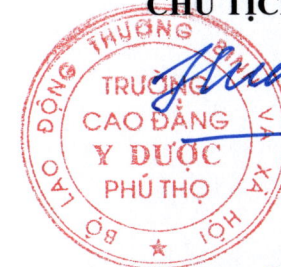
Phủ Thọ, ngày 01 tháng 4 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)

Phan Thị Mai Hương



HIỆU TRƯỞNG
TS.DS. *Hoàng Đức Luận*